

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 87/2024/ST - HNGĐ

Ngày 29 - 5 - 2024.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Việt, bà Phạm Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST - HNGĐ ngày 11/3/2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức C, sinh năm 1985.

Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1993.

Đều có địa chỉ tại: Thôn V H, xã B K, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Anh C có mặt; Chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Đức C trình bày: Anh và chị Trần Thị Hồng T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bông Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân do quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng lại không hiểu và thông cảm cho nhau, chị T không quan tâm đến gia đình và chồng, con. Quá trình xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không

được cải thiện mà còn trầm trọng hơn. Hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly chị Trần Thị Hồng T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hồng T có 01 người con là Lê Đức Đ, sinh ngày 26/02/2016. Nay ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Trần Thị Hồng T không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Hồng T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2024 cháu Lê Đức Đ có nguyện vọng được ở với bố là anh Lê Đức C.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn ly hôn của anh Lê Đức C. Anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung cho anh Lê Đức C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh C không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Anh Lê Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: Anh Lê Đức C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, bị đơn có hộ khẩu tại thôn V H, xã B K, huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, qua xác minh ngày 18/4/2024 tại Công an xã Bồng Khê, huyện Con Cuông cho thấy chị Trần Thị Hồng T có hộ khẩu thường trú tại thôn V H, xã B K, huyện Con Cuông nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu cũng không thông báo cho chính quyền địa phương biết nên không biết địa chỉ hiện nay của chị T ở đâu. Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối C.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B K, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không có ai ép buộc, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C và chị T thường xuyên cãi vã, chị T không quan tâm đến gia đình và chồng con. Như vậy anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho anh Lê Đức C ly hôn chị Trần Thị Hồng T.

Về con chung: Anh Lê Đức C và chị Trần Thị Hồng T có một người con chung tên là Lê Đức Đ, sinh ngày 26/02/2016. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đức C có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, tại biên bản lấy lời khai cháu Đại có nguyện vọng được ở với bố. Mặt khác hiện nay chị T không có mặt ở địa phương, việc giao con cho chị T nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con, xét thấy, nguyện vọng của anh C là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Đ. Do vậy cần giao con chung cho anh Lê Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Đại đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Do anh Lê Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị Trần Thị Hồng T yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Anh Lê Đức C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Đức C được ly hôn chị Trần Thị Hồng T.

- Về con chung: Giao con chung tên là Lê Đức Đ, sinh ngày 26/02/2016 cho anh Lê Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Đại đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Trần Thị Hồng T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Anh Lê Đức C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Đức C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp

300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000589 ngày 11/3/2024. Anh C đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã B K;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Bảo